

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 35/2024/HS-ST
Ngày 23 tháng 4 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Ngọc Biên
2. Bà Nguyễn Thị Tin

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thu Hoàn - Thư ký Toà án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên toà: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại điểm cầu Trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và điểm cầu thành phần Trại tạm giam công an tỉnh B, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử phiên tòa trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2024/QĐXXST – HS ngày 10/4/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Hữu M**, sinh năm 1997. Tên gọi khác: Không. Tại: Ninh Bình. Giới tính: Nam. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: xóm D, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Tự do; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông: Lê Hữu H, sinh năm 1976; Con bà: Lê Thị B, sinh năm: 1978. Bị cáo có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất. Vợ: Thái Thị T, sinh năm 1998. Con: Có 01 con sinh năm 2019.

Tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 28 ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/12/2022).

Bị cáo bị bắt truy nã, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2024 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B.

Bị cáo M có mặt tại điểm cầu thành phần là trại tạm giam Công an tỉnh B.

*** Bị hại:** Công ty TNHH S2

Địa chỉ: Lô số CN – 17, Khu công nghiệp V, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang

Đại diện theo pháp luật: ông SHON SEONG M - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Trần Thị V, sinh năm 1991 – Nhân viên hành chính nhân sự Công ty TNHH S2. Địa chỉ: thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (Vắng mặt)

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty TNHH S3

Địa chỉ: Lô S, KCN V, xã V huyện V, tỉnh Bắc Giang

Đại diện theo pháp luật: Ông HONG SANG S – Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Bùi Thị H1, sinh năm 1988 – Nhân viên Công ty. Địa chỉ: thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt)

2. Công ty TNHH D1

Địa chỉ: Lô S, KCN V, xã V huyện V, tỉnh Bắc Giang

Đại diện theo pháp luật: Ông LEE JAE K– Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Vũ Thị M1, sinh năm 1989 – Nhân viên Công ty. Địa chỉ: Khu A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt)

3. Công ty TNHH D2

Địa chỉ: cụm C (thuê xí nghiệp Giấy Anh P), phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh

Đại diện theo pháp luật: Ông PARK H – Chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Đăng T1, sinh năm 1988 – Công nhân Công ty. Địa chỉ: Khu S, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH S2 (công ty S2) ở khu công nghiệp V, thuộc địa phận xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang cho công ty TNHH D1 (công ty D1) và công ty TNHH S3 (công ty S4) thuê một phần nhà xưởng để các công ty này thực hiện việc gia công sản phẩm cho công ty S2. Trong quá trình gia công sản phẩm công ty S2 cung cấp Nhôm nguyên liệu để công ty D1 và S sản xuất thành phẩm, phế liệu trong quá trình sản xuất gồm phoi nhôm, vụn nhôm sẽ được công ty S2 thu hồi để bán. Quá trình sản xuất, gia công sản phẩm, công ty S2 thường xuyên mua cùn của Công ty TNHH D2 (công ty D2) có trụ sở tại cụm C, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Việc đồ cùn được giao cho Nguyễn Văn M2, sinh năm 1981 ở thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang; Cao Văn H2, sinh năm 1998 ở bản Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Lò Văn D, sinh năm 2001 ở bản P, xã N,

huyện T, tỉnh Sơn La đều là công nhân của công ty D1 và Lê Văn Q, sinh năm 1988 ở tổ dân phố T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Bắc Giang là nhân viên của công ty S4 thực hiện. Trong quá trình làm việc tại công ty, Nguyễn Văn M2 thấy có nhiều phoi nhôm (mạt nhôm) được đóng vào các bao tải, Lê Văn Q thấy có nhiều vụn nhôm được đóng vào các bao tải có thể đem ra ngoài bán lấy tiền nên M2 và Q nảy sinh ý định trộm cắp các bao nhôm này đem đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Khoảng 8 giờ 45 phút ngày 14/7/2023, công ty D2 cử lái xe của công ty là Phạm Đình T2, sinh năm 1981 ở thôn C, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh, phụ xe là Lê Hữu M, sinh năm 1997 trú tại xóm D, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình và Lê Huy T3, sinh năm 1997 ở thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai, Biển kiểm soát 99LD-204.52 đi đến kho của công ty S5 để giao còn. Khi thấy xe của T2 đến nơi, M2 nảy sinh ý định lấy các bao đựng phoi nhôm để lên xe tải của T2 để mang ra ngoài bán nên đã đi đến gặp T2, nói với T2 về việc đến buổi chiều cùng ngày M2 sẽ lấy 10 bao phoi nhôm của công ty S2 mang đến kho còn rồi để lên xe ô tô của T2 để T2 mang ra ngoài bán, được bao nhiêu tiền thì chia nhau mỗi người một nửa. Sau đó, M2 đi về xưởng làm việc bảo Cao Văn H2 và Lò Văn D đến buổi chiều cùng ngày lấy trộm 10 bao phoi nhôm đem đến kho còn đưa cho T2 để mang ra ngoài bán, được tiền thì chia nhau. Sau khi M2 đến gặp T2 xong thì Lê Văn Q đi đến nói với T2 về việc sẽ lấy trộm 9 bao vụn nhôm của công ty và nhờ T2 chở ra ngoài bán, được bao nhiêu tiền thì chia nhau mỗi người một nửa và đến chiều cùng ngày Q sẽ mang các bao vụn nhôm đến kho còn để T2 chở đi thì T2 đồng ý. Giao còn xong T2 điều khiển xe ô tô về công ty, trên đường về T2 nói chuyện với M và T3 là phụ xe về việc M2 và Q bảo trộm nhôm phế liệu trong nhà xưởng của công ty S6 mang ra ngoài bán lấy tiền chia nhau thì M và T3 đồng ý.

Khoảng 13 giờ 15 phút ngày 14/7/2023, T2 cùng M, T3 điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 99LD-204.52 đến kho còn của công ty S5. Thấy T2 đến thì Q sử dụng xe 3 bánh của công ty đi đến kho tập kết vụn nhôm lấy 9 bao vụn nhôm chở đến kho còn của công ty S6 rồi đi về làm việc. H2, D sử dụng xe 3 bánh của công ty D1 đi đến xưởng C của công ty lấy 10 bao phoi (mạt) nhôm chở đến kho còn của công ty S6 rồi H2, M, T3 bê 10 bao phoi nhôm để vào trong thùng xe ô tô của T2 còn D đứng ngoài canh giới, sau khi cho 10 bao phoi nhôm lên xe xong thì M và T3 tiếp tục bê 09 bao vụn nhôm Quyền để lại trước đó lên xe ô tô rồi lấy các can nhựa rỗng để lên trên các bao nhôm để tránh bị phát hiện. Khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày, khi T2, M, T3 điều khiển xe ô tô chở 19 bao nhôm đến cổng công ty S6 để mang ra ngoài thì bị bảo vệ công ty yêu cầu dừng xe kiểm tra, phát hiện đã báo Đồn Công an Q2 đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Tang vật thu giữ gồm:

- 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Hyundai, biển kiểm soát 99LD-024.52.

- 10 bao tải dứa màu vàng được đánh số thứ tự từ 1-10 bên trong chứa phoi nhôm kim loại (mạt nhôm); 09 bao tải dứa được đánh số thứ tự từ 11 đến 19

gồm 6 bao tải dừa màu vàng 2 bao màu xanh lá cây, 1 bao màu xanh dương bên trong đều chứa miếng nhôm phế liệu kim loại (vụn nhôm).

- 41 can nhựa rỗng dung tích 20 lít đã qua sử dụng.

Đồn Công an Q2 đã tiến hành cân các bao nhôm thu giữ xác định: 10 bao phoi (mạt) nhôm có tổng khối lượng 257kg; 09 bao vụn nhôm có tổng khối lượng 148kg.

Ngày 14/7/2023, Đồn Công an Q2 đã bàn giao các đối tượng cùng toàn bộ tang vật đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y để giải quyết theo thẩm quyền.

Biết hành vi của mình bị phát hiện nên từ ngày 14/7/2023 đến ngày 16/7/2023, Cao Văn H2, Lò Văn D, Vũ Văn Q1 và Nguyễn Văn M2 lần lượt ra đầu thú.

Lê Hữu M, sau khi bị bắt quả tang đã lợi dụng sơ hở bỏ trốn. Cơ quan điều tra Công an huyện Y đã ra quyết định truy nã đến ngày 27/01/2024 thì M bị bắt.

Ngày 17/7/2023, Cơ quan điều tra Công an huyện Y có yêu cầu định giá tài sản đối với số nhôm thu giữ. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 45 ngày 19/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: 257kg phoi nhôm trị giá là 5.140.000 đ; 148kg vụn nhôm trị giá là 5.476.000 đ. Tổng giá trị tài sản là 10.616.000 đồng.

Đối với Nguyễn Văn M2, Vũ Văn Q1, Cao Văn H2, Lò Văn D, Phạm Đình T2, Lê Huy T3. Ngày 26/3/2024 đã bị Toà án nhân dân huyện Y xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về vật chứng vụ án: Trong các ngày 21/7/2023 và 22/7/2023, Cơ quan điều tra Công an huyện Y đã trả lại 01 chiếc xe ô tô BKS 99LD-204.52 và 41 can nhựa cho anh Lê Đăng T1, sinh năm 1988 ở khu S, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh là đại diện theo ủy quyền của công ty D2; 10 bao tải màu vàng đựng 257kg mạt nhôm và 09 bao tải đựng 148 kg vụn nhôm cho chị Trần Thị V, sinh năm 1991 ở thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn là đại diện theo ủy quyền của công ty S2.

Về trách nhiệm dân sự: anh Lê Đăng T1 đại diện theo ủy quyền của công ty D2 và chị Trần Thị V đại diện theo ủy quyền của công ty S2 không có yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự.

Bản cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 20/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố bị cáo Lê Hữu M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 BLHS.

Tại phiên toà: Bị cáo Lê Hữu M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố, Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng tội, không oan sai. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Bị cáo nhất trí và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, xác định đủ căn cứ chứng minh bị cáo Lê Hữu M đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hữu M từ 10 tháng đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/02/2024.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, họ đã có lời khai trong hồ sơ và xét thấy việc vắng mặt họ không ảnh hưởng tới kết quả xét xử, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292; Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Hữu M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ 15 phút ngày 14/7/2023, tại nhà xưởng của công ty TNHH S2 ở khu công nghiệp V, thuộc địa phận xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Nguyễn Văn M2 đã chỉ đạo Cao Văn H2, Lò Văn D trộm cắp tổng số 10 bao tải đựng phoi nhôm (mạt nhôm) với tổng khối lượng 257kg trị giá 5.140.000 đồng của công ty S2 rồi chuyển cho Phạm Đình T2, Lê Hữu M và Lê Huy T3 sử dụng ô tô chở ra ngoài bán; Vũ Văn Q1 có hành vi trộm cắp 09 bao tải đựng vụn nhôm với tổng khối lượng 148kg trị giá 5.476.000 đồng của công ty S6 giao cho Phạm Đình T2, Lê Hữu M và Lê Huy T3 sử dụng ô tô chở ra ngoài bán. Đến khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày khi T2, T3, M chở số bao nhôm này đến cổng công ty S2 để đi ra ngoài thì bị bắt quả tang. Tang vật thu giữ 10 bao tải đựng phoi nhôm (mạt nhôm), 09 bao tải đựng vụn nhôm cùng một số vật chứng khác. Tổng giá trị tài sản Lê Hữu M tham gia trộm cắp là 10.616.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Hữu M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng giá trị tài sản bị cáo tham gia trộm cắp là 10.616.000 đồng. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Xét về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Năm 2022, bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, điều luật đã viện dẫn. Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân. Do đó, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội.

Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt áp dụng cho bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội với mục đích tư lợi, ngoài hình phạt chính lẽ ra Hội đồng xét xử còn áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền để sung công quỹ nhà nước theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, do bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản, nên Hội đồng xét xử xét miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về vật chứng: Không

[8] Những vấn đề khác của vụ án:

Trong các ngày 21/7/2023 và 22/7/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 xe ô tô BKS 99LD – 204.52 và 41 can nhựa cho Công ty D2; 10 bao tải màu vàng đựng 257 kg mật nhôm và 09 bao tải đựng 148 kg vụn nhôm cho Công ty S7, Hội đồng xét thấy phù hợp với qui định của pháp luật, không đặt ra xem xét.

Đối với Nguyễn Văn M2, Vũ Văn Q1, Cao Văn H2, Lò Văn D, Phạm Đình T2, Lê Huy T3. Ngày 26/3/2024, Toà án nhân dân huyện Y đã xét xử bị các bị cáo này về tội “Trộm cắp tài sản”.

[9] Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Hữu M 45 ngày để đảm bảo thi hành án theo quy định tại Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung. Xử phạt bị cáo Lê Hữu M 01 (Một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 27/01/2024.

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Hữu M phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- TAND, VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- THADS huyện Y;
- Công an huyện Y;
- UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình;
- Những người TGTT;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Hà